

**Bản án số: 267 /2024/ HNGĐ-ST**

**Ngày: 12 - 9 -2024**

**“V/v Ly hôn giữa anh N và chị T”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH***

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **PHẠM TRUNG THÀNH**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.*

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Anh **Võ Văn N**, sinh năm 1988*

*Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1989.*

*Địa chỉ: ấp M, xã T1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.*

*( Anh N xin vắng mặt, chị T vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh **Võ Văn N** trình bày: Anh và chị T tiến đến hôn nhân năm 2021 thông qua mai mối và sắp đặt của gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc.*

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc D, sinh ngày 26/01/2022.  
Hiện đang sống cùng chị T.

Tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Anh N xin ly hôn chị T. Con chung chưa thành niên anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

***- Bị đơn chị Trần Thị Ngọc T dù được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.***

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Võ Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Trần Thị Ngọc T, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn anh Võ Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do là bận đi làm. Đối với chị Trần Thị Ngọc T dù được triệu tập xét xử họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh N và chị T tiến đến hôn nhân năm 2021 trên cơ sở mai mối và sắp đặt của gia đình nên anh chị chưa có nhiều thời gian tìm hiểu lẫn nhau. Dẫn đến sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc 01 thời gian ngắn đến tháng 5/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do anh chị không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đối với chị T dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc anh N ly hôn chứng tỏ chị không thiết tha đoàn tụ cùng anh N. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho anh N được ly hôn với chị T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc D, sinh ngày 26/01/2022, hiện đang sống cùng chị T. Anh N đồng ý để cho chị T tiếp tục nuôi cháu D. Xét thấy, con chung được chị T nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay đã có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, cháu D là con gái và hiện chưa đủ 03 tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ nên việc anh N để chị T nuôi con là phù hợp với qui định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cháu D cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Võ Văn N.

1. Về hôn nhân: Cho anh Võ Văn N ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa thành niên tên Võ Thị Ngọc D, sinh ngày 26/01/2022 cho chị Trần Thị Ngọc T nuôi dưỡng.

Anh Võ Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Võ Văn N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015133 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Võ Văn N, chị Trần Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TRẦN TÚ ANH**